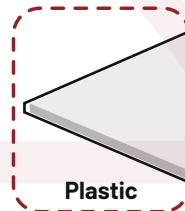
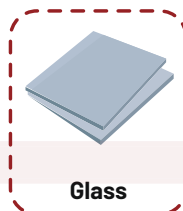
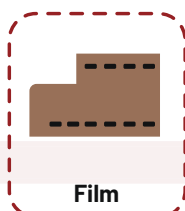
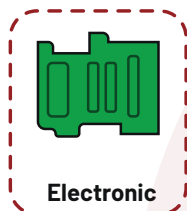


FEATURE OF PRODUCT (TÍNH NĂNG SẢN PHẨM)

- ✓ Vacuum pads for the electronics and semiconductor industries.
- ✓ Using for where adsorption marks must not left on workpieces.
- ✓ Small-size for semiconductor parts.
- ✓ Nắm hút chân không cho công nghiệp điện tử và chất bán dẫn.
- ✓ Phù hợp với các vị trí yêu cầu không để lại vết trên phôi.
- ✓ Cỡ nhỏ cho các linh kiện bán dẫn.



APPLICATION (ỨNG DỤNG)



HOW TO ORDER (CÁCH ĐẶT MÃ)

Principle :

SUFFIX - TYPE/SIZE - ADAPTER - MATERIAL/RESISTANCE/MARK-FREE/COLOR - DN

	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)
Example	1	-	1b16	-	K9V6.5	-	SE	-	1

(1) SUFFIX

(2) FG: Loại cơ bản (Standard type)

Size (Cỡ nắm) : Ø10, Ø15, Ø20, Ø25, Ø30.. (Diameter mm)

(3) Adaptor:

X - Cylinder type

T - Barb-Cylinder type

XO - Cylinder Oval type

P - Pillar type

Y - Cone type

K - Lock ring type

Z - Screw type

KV - Anchor-Lock ring type

V - Anchor type

KO - Oval-Lock type

Adaptor size: Ø1, Ø2, Ø3, Ø4, Ø5, Ø6, Ø7, Ø8, Ø9, Ø10, Ø11, Ø12, Ø13, Ø14, Ø15, Ø16, Ø17, Ø18, Ø19, Ø20.

(4) Material (Vật liệu):

N: NBR

U: Urethan rubber

N49/N69: Conductive NBR

F: FKM Fluoroelastomer

S: silicone

HN: HNBR

SE: Conductive Silicone

SMF: Silicone Mark-Free (Coating Teflon Thickness 0.2mm)

Colour:

G: Grey

W: White

None: Black

- Special material can be produced by custom specification.
- Vật liệu đặc biệt có thể được sản xuất theo yêu cầu riêng của khách hàng.

Resistance (Độ tĩnh điện)

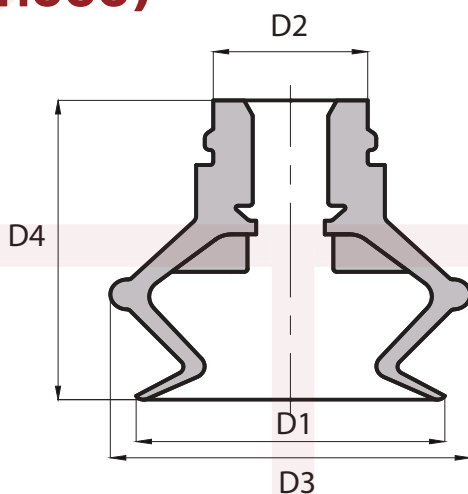
69 : 10^6 to 10^9 [Ω]

49 : 10^4 to 10^9 [Ω]

Blank: none

(5) Design number

DIMENSION (KÍCH THƯỚC)



Kích thước (Size)	D1	D2	D3	D4
Ø10	10	09	12	16
Ø13	13	09	15	18.5
Ø16	16	09	18	20
Ø20	20	11	22	23.5
Ø25	25	11	27	24
Ø32	32	11	34	29

THANG LONG TECH CO., LTD

Office: 25-26-27 TT3, Kim Quan Thuong Street, Viet Hung ward, Long Bien District, Ha Noi, Viet Nam

Tel: +84-24-3-6230117/0118/0119

Email: tlt@thanglongtech.com.vn

Website: www.thanglongtech.com.vn